

Số: 325 /BC-STTTT

Cà Mau, ngày 25 tháng 7 năm 2024

BÁO CÁO

Kết quả nội dung cuộc họp trực tuyến với Thường trực Chính phủ

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau

Thực hiện Công văn số 5990/UBND-KGVX ngày 23/7/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc báo cáo tình hình thực hiện các nhiệm vụ về chuyển đổi số năm 2024. Căn cứ nội dung báo cáo của Bộ Thông tin và Truyền thông tại cuộc họp trực tuyến với Thường trực Chính phủ về chuyển đổi số vào ngày 19/7/2024, Sở Thông tin và Truyền thông báo cáo kết quả thực hiện chuyển đổi số của tỉnh Cà Mau, cụ thể như sau:

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

Nhằm thúc đẩy hoạt động chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn tỉnh Cà Mau, thời gian qua, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, các sở, ban, ngành, địa phương đã nỗ lực, quyết tâm, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, ban hành kịp thời nhiều văn bản tạo cơ chế, chính sách để kiến tạo sự phát triển Chính quyền số, xã hội số, khuyến khích người dân và doanh nghiệp cùng tham gia phát triển kinh tế số của tỉnh. Các văn bản trọng tâm như: Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 14/7/2022 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về chuyển đổi số tỉnh Cà Mau đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 và Quyết định số 1929/QĐ-UBND ngày 01/8/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Đề án Chuyển đổi số tỉnh Cà Mau đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

Bên cạnh đó, trong 06 tháng đầu năm 2024 Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ký ban hành trên 30 văn bản chỉ đạo triển khai thực hiện chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Cà Mau. Trong đó, gồm một số văn bản trọng tâm như: Kế hoạch thực hiện chuyển đổi số năm 2024 tỉnh Cà Mau; Kế hoạch thực hiện Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia năm 2024 trên địa bàn tỉnh Cà Mau; Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 1198/QĐ-TTg ngày 13/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ ban hành “Kế hoạch triển khai thi hành Luật Giao dịch điện tử” trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch hoạt động của Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh Cà Mau năm 2024; triển khai Đề án xác định chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp và hỗ trợ thúc đẩy doanh nghiệp chuyển đổi số; triển khai báo cáo tiến độ thực hiện các nhiệm vụ, dự án ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số; triển khai Quyết định của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về phê duyệt Kế hoạch thực hiện Đề án Kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực quản lý nhà nước và thực thi pháp luật về chuyển đổi số; triển khai Kết luận Phiên họp lần thứ 8 của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số; triển khai thực hiện cấp

phiếu lý lịch tư pháp trên ứng dụng định danh và xác thực điện tử (VNeID) trên địa bàn tỉnh Cà Mau...

2. Đánh giá chung về các chỉ số chuyển đổi số của tỉnh

Năm 2022, Bộ Thông tin và Truyền thông đánh giá chỉ số về chuyển đổi số quốc gia và kết quả xếp hạng mức độ chuyển đổi số của các bộ, ngành, địa phương. Theo đó, tỉnh Cà Mau xếp hạng 58/63 tỉnh thành trên cả nước. Thực hiện Kế hoạch số 213/KH-UBND ngày 29/8/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về việc Cải thiện và nâng cao Chỉ số Chuyển đổi số (DTI) tỉnh Cà Mau năm 2023. Theo đó xác định rõ nhiệm vụ, giải pháp và trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị trong việc tham mưu cải thiện chỉ số chính, chỉ số thành phần theo Quyết định số 922/QĐ-BTTTT ngày 20/5/2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông. Qua kết quả đánh giá chỉ số chuyển đổi số cấp tỉnh (DTI) năm 2023 có sự gia tăng đáng kể về điểm số so với năm 2022 (cụ thể: năm 2022 tỉnh đạt được 468,9 điểm, năm 2023 điểm tự đánh giá được 874,67 điểm), dự kiến thứ hạng DTI năm 2023 của tỉnh Cà Mau sẽ đứng trong nhóm trung bình khá so với các tỉnh, thành cả nước.

STT	Nhóm chỉ số	Điểm tối đa	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023 (Tự đánh giá)	Tăng/ giảm
	Tổng điểm:	1,000	354,7	468,9	874,67	405,8
1	Nhận thức số	100	55	81,67	86,43	+4,76
2	Thể chế số	100	45	60	100	+40
3	Hạ tầng số	100	48,81	51,16	79,22	+28,06
4	Nhân lực số	100	15,1	65,73	94,62	+28,89
5	ATTT mạng	100	21,67	44,68	81,07	+36,39
6	Hoạt động Chính quyền số	200	84,42	77,76	189,60	+111,84
7	Hoạt động Kinh tế số	150	49,755	60,735	116,65	+55,915
8	Hoạt động Xã hội số	150	34,92	27,135	127,08	+99,945

Bảng điểm đánh giá DTI của tỉnh Cà Mau

STT	Nhóm chỉ số	Năm 2021	Năm 2022	Tăng/ giảm
	Xếp hạng DTI:	38	58	-20
1	Nhận thức số	40	52	-12
2	Thể chế số	37	52	-15
3	Hạ tầng số	28	54	-26
4	Nhân lực số	46	17	29
5	An toàn thông tin mạng	48	46	+2
6	Hoạt động Chính quyền số	33	56	-23
7	Hoạt động Kinh tế số	44	54	-10
8	Hoạt động Xã hội số	49	52	-3

Bảng xếp hạng DTI của tỉnh Cà Mau (năm 2023 chưa xếp hạng)

3. Về giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân và doanh nghiệp

3.1. Tiến độ cung cấp thủ tục hành chính trên Cổng Dịch vụ công

Căn cứ Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng, tỉnh có 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình và một phần đáp ứng yêu cầu được cung cấp trên Cổng dịch vụ công quốc gia, trong đó có 1.184 dịch vụ công trực tuyến toàn trình và 452 dịch vụ công trực tuyến một phần. Trong kỳ báo cáo, tỷ lệ hồ sơ được giải quyết qua dịch vụ công trực tuyến của tỉnh đạt 80,33%; tỷ lệ thanh toán trực tuyến của tỉnh đạt 95,14%. Theo báo cáo của Bộ Thông tin và Truyền thông trong tài liệu phục vụ cuộc họp trực tuyến với Thường trực Chính phủ đánh giá tỉnh Cà Mau là một trong những địa phương đã triển khai rất tốt dịch vụ công trực tuyến toàn trình, đứng sau Đà Nẵng.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thực hiện nghiêm việc số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận Một cửa các cấp theo Nghị quyết số 50/NQ-TTg ngày 08/4/2022 của Chính phủ. Trong kỳ báo cáo, tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh đạt 82,81%; tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa của tỉnh đạt 64,37%.

3.2. Dịch vụ công thiết yếu theo Đề án 06 và Quyết định 422/QĐ-TTg

Đã hoàn thành triển khai 25/25 dịch vụ công thiết yếu theo Đề án 06 theo đúng lộ trình. Trong kỳ báo cáo, phát sinh 183.518/185.651 hồ sơ trực tuyến, đạt 98,9%.

Đã triển khai 15/20 dịch vụ công theo Quyết định 422/QĐ-TTg thuộc thẩm quyền của địa phương; còn lại 05 dịch vụ công chưa triển khai (đang chờ hướng dẫn từ các Bộ, ngành Trung ương)¹. Trong kỳ báo cáo, phát sinh 65.552/65.552 hồ sơ trực tuyến, đạt 100%.

3.3. Về công bố chất lượng Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh

Ngày 10/7/2024, Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Công văn số 2710/BTTTT-CĐSQG về việc công bố chất lượng Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh. Theo đó, tỉnh Cà Mau được xếp thứ 4/39 địa phương đạt mức C, đồng hạng với các tỉnh: Lâm Đồng, Kon Tum, Quảng Trị. Trong đó, có 02 tiêu chí tỉnh đạt điểm tối đa gồm: tiêu chí về hiệu năng hệ thống và tiêu chí đánh giá kết nối với Hệ thống EMC. Về cơ bản các hệ thống thông tin của tỉnh đã thực hiện và triển khai xây dựng hồ sơ đề xuất cấp độ và phương án đảm bảo an toàn thông tin theo Nghị định số 85/2016/NĐ-CP của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ; tỉnh đã thực hiện việc kết nối với Hệ thống giám sát, đo lường mức độ cung cấp và sử dụng dịch vụ Chính phủ số (hệ thống EMC).

¹ (1) Liên thông nhóm thủ tục Cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và cấp phiếu lý lịch tư pháp; (2) Liên thông nhóm thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân và Đăng ký kết hôn; (3) Thanh toán viện phí; (4) Thu, nộp tạm ứng án phí, lệ phí tòa án; (5) Liên thông nhóm thủ tục thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; thủ tục cấp, sửa đổi, bổ sung giấy phép nhận chìm ở biển và thủ tục giao khu vực biển, sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển.

Tuy nhiên, chất lượng các hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính có nhiều hạn chế cần phải đặc biệt quan tâm như chất lượng kỹ thuật của hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính thấp sẽ khiến cho người dân và doanh nghiệp khó khăn khi tiếp cận, khai thác dịch vụ; công chức, viên chức tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính khó khăn trong việc thực hiện công việc; cơ quan quản lý khó khăn trong theo dõi, giám sát để điều hành; việc liên thông, kết nối, chia sẻ dữ liệu, giải quyết các thủ tục hành chính gặp nhiều khó khăn,...

4. Về các nền tảng, hệ thống phục vụ công tác quản lý, điều hành, tác nghiệp trong cơ quan nhà nước trên môi trường số

4.1. Kết quả đạt được

- Xử lý hồ sơ công việc trong cơ quan nhà nước:

Năm 2020, tỷ lệ hồ sơ xử lý trên môi trường mạng trong cơ quan nhà nước trong tỉnh đạt 53,5% (cả nước đạt 65,8%); đến nay, tỷ lệ này đạt 84,1%. Tỷ lệ báo cáo trên hệ thống báo cáo Chính phủ đạt 100%.

- Trao đổi văn bản điện tử giữa các cơ quan nhà nước:

100% cơ quan nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã đã gửi, nhận văn bản điện tử qua hệ thống Quản lý văn bản và điều hành của tỉnh (cả nước 98%); tỷ lệ trao đổi văn bản điện tử giữa các cơ quan nhà nước đạt 97,7%; 99% lãnh đạo các cấp đã sử dụng chữ ký số chuyên dùng (cả nước 80%). Bên cạnh đó, hệ thống Quản lý văn bản và điều hành của tỉnh cũng đã gửi, nhận văn bản điện tử qua trực liên thông quốc gia.

- Phát triển dữ liệu:

Tỉnh đã ban hành danh mục: 26 CSDL dùng chung (đã triển khai 13 CSDL) và 86 tập dữ liệu mở của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh, đã công khai tại địa chỉ <http://danhmuc.data.gov.vn>

Đối với Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông đã có Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án “Xây dựng Kho dữ liệu dùng chung và Cổng dịch vụ dữ liệu mở (Open Data)” gửi Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định (Báo cáo số 168/BC-STTTT ngày 08/5/2024).

- Về kết nối chia sẻ dữ liệu:

Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP) đã kết nối và sẵn sàng chia sẻ 23² dịch vụ chia sẻ dữ liệu trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP). Kết quả đến nay, có **13.708.268** giao dịch dữ liệu phát sinh.

² (1) Cơ sở dữ liệu quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp (Bộ Kế hoạch và Đầu tư); (2) Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm (Bảo hiểm Xã hội Việt Nam); (3) Cơ sở dữ liệu đất đai quốc gia (Bộ Tài nguyên và Môi trường); (4) Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức (Bộ Nội vụ); (5) Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản quy phạm pháp luật (Bộ Tư pháp); (6) Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá (Bộ Tài chính); (7) Hệ thống cấp phiếu lý lịch tư pháp trực tuyến (Bộ Tư pháp); (8) Hệ thống thông tin đăng ký và quản lý hộ tịch (Bộ Tư pháp); (9) Hệ thống cấp mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách (Bộ Tài chính); (10) Hệ thống thông tin quản lý danh mục điện tử dùng chung của các cơ quan nhà nước phục vụ phát triển Chính phủ điện tử Việt Nam (Bộ Thông tin và Truyền thông); (11) Cổng liên thông TNMT-Thuế (Bộ Tài nguyên và Môi trường); (12) Hệ thống dịch vụ công quản lý giao thông vận tải lĩnh vực đường bộ (Bộ Giao thông vận tải); (13) Cổng dịch vụ công của Bộ Xây dựng; (14) Hệ thống Đăng ký, giải quyết chính sách trợ giúp xã hội trực tuyến và cơ sở dữ liệu về trợ giúp xã hội (Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội); (15) Hệ thống dịch vụ hành chính công của Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam; (16) Dịch vụ công bố trợ xã hội (Bộ LĐTBXH); (17) Hệ thống thông tin nguồn Trung ương (Bộ Thông tin và Truyền thông) và hệ thống thông tin nguồn địa phương; (18) Hệ thống danh mục điện tử dùng chung

- Về nền tảng số:

Đã triển khai nền tảng “Truy xuất nguồn gốc” sử dụng công nghệ Blockchain, được tích hợp trên App CaMau-G, đến nay đã phát hành hơn 70.000 tem truy xuất nguồn gốc.

Hoàn thành việc xây dựng Trung tâm Giám sát, điều hành thông minh (IOC) tỉnh Cà Mau (địa chỉ truy cập <https://ioc.camau.gov.vn>). Trung tâm IOC đã kết nối CSDL của 13 lĩnh vực quản lý³, thu thập 43 loại dữ liệu, giám sát 262 trường thông tin theo thời gian; qua đó cung cấp thông tin giúp lãnh đạo các cấp kịp thời chỉ đạo, điều hành về tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Ngoài ra, tỉnh đã triển khai các nền tảng số như: Nền tảng họp trực tuyến (Mege-VMeeting); Nền tảng trợ lý ảo phục vụ CBCCVC và người dân, doanh nghiệp...

4.2. Hạn chế, khó khăn

Hiện tại dự án xây dựng Kho dữ liệu dùng chung và Cổng dịch vụ dữ liệu mở (OpenData) chưa được triển khai nên việc tích hợp, lưu trữ, chia sẻ dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở cho người dân, doanh nghiệp còn khó khăn, hạn chế.

Dữ liệu tại nhiều cơ quan, đơn vị còn rời rạc, phân tán, chưa được kiểm tra đánh giá chất lượng dữ liệu. Một số cơ quan, đơn vị chưa xác định được hiện trạng nguồn dữ liệu của mình để có định hướng phát triển dữ liệu phù hợp.

Hiện nay một số nền tảng còn đang thí điểm, cũng như mới đưa vào vận hành nên chưa phát huy hết tính năng, cũng như hiệu quả sử dụng của nền tảng số mạng lại.

5. Về phát triển kinh tế số

5.1 Kết quả đạt được

Tỷ trọng kinh tế số trên GRDP năm 2023 của tỉnh Cà Mau được xem là một trong 25 địa phương có tỷ trọng kinh tế số trên GRDP dưới 10%, cụ thể theo số liệu rà soát đánh giá chỉ số DTI tỉnh Cà Mau năm 2023, tỷ lệ này đạt 6,57%.

Qua rà soát, trên địa bàn tỉnh có 65 doanh nghiệp công nghệ số, là một trong 42 địa phương có tỷ lệ doanh nghiệp công nghệ số/1.000 dân dưới 0,3 và được đánh giá là địa phương có tỷ trọng kinh tế ICT tương đối thấp (dưới 5%) theo đánh giá của Bộ Thông tin và Truyền thông trong báo cáo phục vụ cuộc họp trực tuyến với Thường trực Chính phủ

Kinh tế số ngành, lĩnh vực: 100% doanh nghiệp đã triển khai sử dụng hóa đơn điện tử; 97% doanh nghiệp đăng ký và nộp thuế điện tử; có hơn 2.490 doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận và tham gia Chương trình SMEdx trên địa bàn, chiếm 52.42% tổng số doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh; có 6.000 hộ kinh doanh tạo tài

ngành tài chính (Bộ Tài chính); (19) Hệ thống danh mục dùng chung ngành ngân hàng (Ngân hàng Nhà nước Việt Nam); (20) Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư (Bộ Công an); (21) Cơ sở dữ liệu Đăng ký kinh doanh (Bộ Kế hoạch và Đầu tư); (22) Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá (Bộ Tài chính); (23) Hệ thống định danh và xác thực điện tử (Bộ Công an).

3 Y tế; Giáo dục - Đào tạo; Phân ánh kiến nghị; Camera thông minh; Hành chính công; Văn bản điện tử; Công chức viên chức; Cơ sở bán thuốc, quầy thuốc; Chỉ số kinh tế - xã hội tỉnh; Nông nghiệp; Môi trường; Thông tin tàu cá; Giám sát tài nguyên nước.

khoản bán hàng trên sàn thương mại điện tử. Tỷ trọng doanh thu thương mại điện tử trên tổng doanh thu bán lẻ dưới 3% và được đánh giá là một trong 10 địa phương có tỷ trọng thương mại điện tử trên tổng doanh thu bán lẻ thấp nhất.

5.2. Hạn chế, khó khăn

Hiện tại tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực chưa đo lường được nên gặp khó khăn trong triển khai nhiệm vụ, giải pháp thúc đẩy phát triển kinh tế số của tỉnh.

6. Xã hội số

6.1. Kết quả đạt được

Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử: tỉnh Cà Mau được đánh giá là một trong 26 địa phương có tỷ lệ từ 10% đến dưới 20%.

100% các đơn vị, trường học trong toàn ngành giáo dục được triển khai, tập huấn sử dụng Hệ thống quản lý không dùng tiền mặt.

Có 18/18 cơ sở khám, chữa bệnh tuyến tỉnh và huyện triển khai giải pháp thanh toán không dùng tiền mặt để thu viện phí.

Đã cấp định danh điện tử bao gồm mức độ 1, mức độ 2 cho 796.751/1.118.560 tài khoản công dân đủ điều kiện, đạt 71,2%.

Đến nay, tỉnh có 883/883 số ấp/khóm thành lập Tổ công nghệ số cộng đồng đạt tỷ lệ 100%, có 4.518 thành viên tham gia. Tổ đã thực hiện làm mẫu, hướng dẫn cho hơn 184.000 hộ gia đình cài đặt, sử dụng các nền tảng số, chiếm 61% số hộ gia đình trên toàn tỉnh.

6.2. Hạn chế, khó khăn

Mô hình Tổ công nghệ số cộng đồng đã phát huy vai trò tuyên truyền, hướng dẫn người dân tiếp cận sử dụng các nền tảng số phục vụ sản xuất, kinh doanh. Tuy nhiên, kinh phí hỗ trợ cho Tổ công nghệ số cộng đồng vẫn chưa được hỗ trợ, gây khó khăn cho việc duy trì hoạt động của Tổ trong thời gian tới.

7. Công tác đảm bảo an toàn thông tin mạng

7.1. Kết quả đạt được

Nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu tại Công văn số 1552/BTTTT-TTH ngày 26/4/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông; duy trì việc đảm bảo an ninh, an toàn thông tin trong kết nối giữa Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công theo Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ: đối với nhiệm vụ này, Sở Thông tin và Truyền thông đang tiếp tục thực hiện thủ tục mua sắm, duy trì hệ thống Trung tâm lưu trữ dữ liệu tỉnh để đáp ứng hạ tầng công nghệ thông tin theo yêu cầu tại Công văn số 708/BTTTT-TTH ngày 02/03/2024 của Bộ Thông tin và Truyền thông. Đồng thời, tiếp tục phối hợp với Trung tâm GQTTHC tỉnh rà soát các quy định tại Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ để nâng cấp hoàn thiện hạ tầng

kết nối giữa Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phục vụ giải quyết thủ tục hành chính.

Hệ thống giám sát an toàn thông tin tại Trung tâm lưu trữ dữ liệu tỉnh đã phát hiện và ngăn chặn kịp thời hơn 7.499 lượt tấn công. Phần mềm phòng, chống mã độc quản lý tập chung đã triển khai cài đặt tại các cơ quan, đơn vị quản lý nhà nước các cấp trên địa bàn tỉnh đã phát hiện 490 máy vi tính bị lây nhiễm mã độc và xử lý hơn 352.207 mã độc. Lũy kế đến nay, phát hiện và ngăn chặn kịp thời hơn 167.838 lượt tấn công. Phần mềm phòng, chống mã độc ngăn chặn 2.119 máy vi tính bị lây nhiễm mã độc và xử lý hơn 1.914.769 mã độc.

Đã rà soát phân loại, xác định, phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ an toàn thông tin cho 53/69 hệ thống thông tin từ cấp độ 1 đến cấp độ 3, chiếm tỷ lệ 77%. Trong đó: có 06 hệ thống thông tin cấp độ 3; 36 hệ thống thông tin cấp độ 2 và 11 hệ thống thông tin cấp độ 1. Số hệ thống thông tin triển khai phương án bảo đảm an toàn thông tin đạt 26/69 hệ thống, chiếm tỷ lệ 49%.

Các máy chủ và máy trạm của tỉnh được đảm bảo an toàn thông tin thông qua việc cài đặt phần mềm diệt virus có bản quyền và được kết nối với Trung tâm Giám sát An toàn không gian mạng quốc gia (NCSC).

7.2. Hạn chế, khó khăn

Nhiều cơ quan, đơn vị còn hạn chế trong việc xác định cấp độ hệ thống thông tin đang quản lý để lập hồ sơ đề xuất cơ quan thẩm quyền phê duyệt cấp độ an toàn thông tin theo quy định.

Nhân lực đảm bảo an toàn thông tin trong cơ quan nhà nước hiện nay còn hạn chế về số lượng, yếu về chuyên môn. Kinh phí dành cho an toàn thông tin mạng trong hoạt động cơ quan nhà nước còn khó khăn, dưới 10% so với quy định.

8. Nhận xét, đánh giá chung

8.1. Ưu điểm

Kết quả chuyển đổi số đạt được trong thời gian qua là nhờ sự quan tâm, chỉ đạo quyết liệt của các cấp ủy đảng, chính quyền các cấp và sự đồng thuận ủng hộ của người dân, doanh nghiệp đối với chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về thực hiện chuyển đổi số. Đặc biệt, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã ban hành Nghị quyết của Đảng về chuyển đổi số tỉnh Cà Mau đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; theo đó, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Đề án chuyển đổi số tỉnh Cà Mau đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 đã tạo động lực thúc đẩy nhanh tiến trình chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Đã hoàn thành kết nối các hệ thống, cơ sở dữ liệu của tỉnh với hệ thống, cơ sở dữ liệu của Trung ương đúng lộ trình đề ra. Đặc biệt, tỉnh Cà Mau là một trong những địa phương đầu tiên trên cả nước hoàn thành sớm việc kết nối Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh với Hệ thống định danh và xác thực điện tử của Bộ Công an.

Đã chủ động tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số cho cán bộ,

công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh qua nền tảng MOOC, giúp giảm kinh phí tổ chức so với việc tập huấn bằng phương pháp truyền thống; giảm chi phí, thời gian đi lại và nâng cao kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin cho học viên tham gia tập huấn.

Việc ứng dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ phát triển kinh tế - xã hội vào các lĩnh vực như: Y tế, Bảo hiểm xã hội, Giáo dục, Giao thông, Thuế được thực hiện hiệu quả, tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp.

Công tác chuẩn hóa dữ liệu để hoàn thiện hệ sinh thái phục vụ kết nối, khai thác, bổ sung làm giàu dữ liệu dân cư được thực hiện thường xuyên và hiệu quả, cụ thể: Đã hoàn thành rà soát 100% thông tin vào phần mềm quản lý trên nền tảng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư của hội viên Hội Nông dân, Hội Người cao tuổi hội viên, Hội Cựu chiến binh, Hội chữ thập đỏ tỉnh, người lao động, người có công.

Thực hiện tốt công tác chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp theo thời gian thực theo Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ, qua đó giúp tỉnh Cà Mau đứng đầu cả nước về vị trí xếp hạng theo Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử những tháng đầu năm 2024.

Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến, thanh toán trực tuyến, số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh tiếp tục được duy trì, cải thiện.

8.2. Khó khăn, vướng mắc

Công tác quản lý nhà nước ở một số ngành, lĩnh vực chưa theo kịp yêu cầu về chuyển đổi số hiện nay, thường có tâm lý chờ chỉ đạo của cấp trên, chưa chủ động rà soát nhiệm vụ của ngành, lĩnh vực dẫn đến việc xây dựng các kế hoạch về chuyển đổi số trong thời gian qua chưa được hệ thống, đồng bộ; nhất là việc đề xuất triển khai các giải pháp chuyển đổi số để quản lý ngành, lĩnh vực.

Chi ngân sách tỉnh chưa đảm bảo cho triển khai các nhiệm vụ, dự án ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ chuyển đổi số trong các cơ quan nhà nước hằng năm.

Thể chế, chính sách về chuyển đổi số trong từng ngành, lĩnh vực chưa hoàn thiện để tạo động thúc đẩy nhanh chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn tỉnh.

Nhiều chương trình, đề án, kế hoạch của bộ, ngành Trung ương giao địa phương thực hiện khó bố trí được ngân sách để triển khai.

Công tác đảm bảo an toàn thông tin, an ninh mạng hiện nay chưa đáp ứng được yêu cầu bảo vệ bí mật nhà nước nên nguy cơ lộ lọt, đánh cắp mất thông tin cá nhân, bí mật nhà nước trong hoạt động chuyển đổi số là rất lớn.

Vẫn còn 05 dịch vụ công thuộc thẩm quyền của địa phương theo Quyết định 422/QĐ-TTg ngày 04/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ chưa có hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương nên địa phương chưa thể triển khai thực hiện⁴.

⁴ (1) Liên thông nhóm thủ tục Cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và cấp phiếu lý lịch tư pháp; (2) Liên thông nhóm thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân và Đăng ký kết hôn; (3)

Nguồn nhân lực phục vụ cho chuyển đổi số của tỉnh (nhất là nhân lực có trình độ về công nghệ thông tin) chưa đáp ứng nhu cầu, chưa qua đào tạo chuyên sâu. Nguồn nhân lực công nghệ thông tin phụ trách quản lý, vận hành các hệ thống thông tin dùng chung được đặt tại Trung tâm dữ liệu của tỉnh còn hạn chế về số lượng, chất lượng chưa đảm bảo so với yêu cầu phục vụ chuyển đổi số tại địa phương.

9. Phương hướng nhiệm vụ trong thời gian tới

Tiếp tục quán triệt đầy đủ chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước, chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trong triển khai thực hiện chuyển đổi số quốc gia tại địa phương. Trong tổ chức thực hiện người đứng đầu các cấp, các ngành và địa phương phải quyết tâm cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt có như vậy chuyển đổi số mới đem lại hiệu quả cao.

Một số nhiệm vụ cần tập trung chỉ đạo thực hiện:

- Ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược dữ liệu quốc gia đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

- Triển khai, thực hiện dự án xây dựng Kho dữ liệu dùng chung và Cổng dịch vụ dữ liệu mở (OpenData).

- Đẩy mạnh triển khai kết nối, tích hợp, chia sẻ, liên thông dữ liệu. Đặc biệt là kết nối, liên thông với cơ sở dữ liệu quốc gia về Dân cư và nền tảng VneID trong các thủ tục hành chính liên quan đến người dân, doanh nghiệp.

- Tăng cường công tác bảo đảm an toàn, an ninh thông tin mạng; 100% hệ thống thông tin đang hoạt động trong cơ quan nhà nước được phê duyệt cấp độ theo quy định.

- Tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả việc số hóa và tái sử dụng kết quả số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính có liên quan đến thông tin, giấy tờ cá nhân trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận Một cửa các cấp.

- Triển khai thực hiện tốt các nhiệm vụ Đề án 06 được Thủ tướng Chính phủ giao tại Chỉ thị số 04/CT-TTg ngày 11/02/2024 về tiếp tục đẩy mạnh triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 tại các bộ, ngành, địa phương năm 2024 và những năm tiếp theo.

- Đẩy mạnh triển khai sử dụng tài khoản định danh điện tử mức độ 2 có giá trị tương đương như việc sử dụng thẻ CCCD gắn chip trong thực hiện các giao dịch và thủ tục hành chính có yêu cầu xuất trình thẻ CCCD; không yêu cầu người dân xuất trình thẻ CCCD khi đã xuất trình thông tin thẻ CCCD trên VNeID.

- Triển khai 02 dịch vụ công liên thông “Đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ BHYT cho trẻ dưới 6 tuổi” và “Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, trợ cấp mai táng phí”.

Trên đây là báo cáo nội dung cuộc họp trực tuyến với Thường trực Chính phủ về chuyển đổi số, Sở Thông tin và Truyền thông kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, (TuMK).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Trần Thị Cẩm Hằng